TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2020
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Duyên Văn Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Tuyết Ngân** –Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 697/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2019 về việc "Ly hôn, con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án xét xử số 428/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trương Ngọc T**, sinh năm: 2001 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.
2. *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm: 1992 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2019 và các lời khai tại tòa nguyên đơn chị Trương Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trương Ngọc T và anh Lê Văn T thành hôn năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống giữa chị T và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, sống không hạnh phúc, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị T và anh T sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Lê Trương Th sinh ngày 19/3/2018 chị T đang nuôi dạy, Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lê Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn chị Trương Ngọc T khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn T nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với anh Lê Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn T là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Trương Ngọc T và anh Lê Văn T thành hôn năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Ngọc T với anh Lê Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định trong thời gian chung sống giữa chị T và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, sống không hạnh phúc, anh T không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị T và anh T sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Chấp nhận cho chị Trương Ngọc T được ly hôn với anh Lê Văn T.

[3] Xét về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Lê Trương T sinh ngày 19/3/2018 chị T đang nuôi dạy, Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi chị T và anh T sống ly thân đến nay cháu Lê Trương T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cháu T còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của chị T. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Lê Trương T cho chị T nuôi dạy là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Trương Ngọc Trúc phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Ngọc T, chị Trúc được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Trương T sinh ngày 19/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dạy, anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị Trương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng. Chị T có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002820 ngày 29/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã nơi CGCNĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân